

TRƯỜNG THPT TÂN BÌNH
NĂM HỌC 2021 - 2022

DANH SÁCH HỌC SINH LỚP 12A13
KHỐI A1 (TOÁN - LÝ - ANH)

STT	LỚP MỚI	MÃ SỐ	HỌ VÀ TÊN	ĐTB	DANH HIỆU	HL	HK	TLA
01	12A13	A13-01	Lê Trúc Ân	8.10	HSTT	Khá	Tốt	21.3
02	12A13	A13-02	Nguyễn Hoàng Tuấn Đạt	7.90	HSTT	Khá	Tốt	24
03	12A13	A13-03	Nguyễn Võ Thái Định	8.30	HSTT	Khá	Tốt	23.4
04	12A13	A13-04	Đoàn Phan Tài Đức	7.80	HSTT	Khá	Tốt	24
05	12A13	A13-05	Trần Huy Hoàng	7.50	HSTT	Khá	Tốt	21.6
06	12A13	A13-06	Lê Minh Hưng	7.70	HSTT	Khá	Tốt	24.2
07	12A13	A13-07	Vũ Thị Ngọc Hương	8.30	HSG	Giỏi	Tốt	23.1
08	12A13	A13-08	Phạm Vũ Minh Huy	8.00	HSTT	Khá	Tốt	23.4
09	12A13	A13-09	Bùi Phạm Gia Huy	8.00	HSTT	Khá	Tốt	22.8
10	12A13	A13-10	Lâm Nguyễn Huy Khôi	8.30	HSG	Giỏi	Tốt	24
11	12A13	A13-11	Lâm Nguyễn An Khôi	7.60	HSTT	Khá	Tốt	21.5
12	12A13	A13-12	Hồ Anh Kiệt	7.40	HSTT	Khá	Tốt	20.7
13	12A13	A13-13	Đoàn Văn Kiều	7.50	HSTT	Khá	Tốt	21.1
14	12A13	A13-14	Lê Đình Lân	8.00	HSG	Giỏi	Tốt	24.2
15	12A13	A13-15	Lê Hoàng Linh	8.10	HSTT	Khá	Tốt	22.1
16	12A13	A13-16	Trần Hiếu Long	8.40	HSG	Giỏi	Tốt	24.3
17	12A13	A13-17	Nguyễn Thành Long	8.30	HSTT	Khá	Tốt	23.3
18	12A13	A13-18	Nguyễn Lâm Hoàng Luân	8.30	HSTT	Khá	Tốt	22.8
19	12A13	A13-19	Dương Gia Luân	7.40	HSTT	Khá	Tốt	22.5
20	12A13	A13-20	Huỳnh Bạch Mai	8.00	HSTT	Khá	Tốt	22.9
21	12A13	A13-21	Nguyễn Lê Nhật Minh	7.90	HSTT	Khá	Tốt	22.4
22	12A13	A13-22	Hà Trần My Na	8.60	HSG	Giỏi	Tốt	23.6
23	12A13	A13-23	Bùi Duy Nghiêm	8.00	HSTT	Khá	Tốt	23.6
24	12A13	A13-24	Nguyễn Bảo Ngọc	8.00	HSTT	Khá	Tốt	21.3
25	12A13	A13-25	Trần Nguyễn Xuân Nguyệt	8.30	HSG	Giỏi	Tốt	23.2
26	12A13	A13-26	Huỳnh Văn Phát	8.50	HSG	Giỏi	Tốt	24.2
27	12A13	A13-27	Nguyễn Văn Phát	8.30	HSTT	Khá	Tốt	23
28	12A13	A13-28	Võ Hoàng Phong	8.00	HSTT	Khá	Tốt	21.1
29	12A13	A13-29	Nguyễn Việt Phúc	8.50	HSG	Giỏi	Tốt	23.2
30	12A13	A13-30	Nguyễn Hoàng Hồng Phúc	8.30	HSTT	Khá	Tốt	22.7
31	12A13	A13-31	Nguyễn Hoàng Quế Phụng	8.20	HSTT	Khá	Tốt	23.4
32	12A13	A13-32	Tổng Thiên Phước	7.40	HSTT	Khá	Tốt	22.2
33	12A13	A13-33	Võ Nhật Phương	8.20	HSG	Giỏi	Tốt	23.8
34	12A13	A13-34	Vương Hưng Quang	7.90	HSTT	Khá	Khá	22.4
35	12A13	A13-35	Ngô Sĩ Hoàng Quý	8.00	HSG	Giỏi	Tốt	23.8
36	12A13	A13-36	Trần Phạm Phương Quỳnh	8.60	HSG	Giỏi	Tốt	24.1
37	12A13	A13-37	Huỳnh Ngọc Sơn	7.90	HSTT	Khá	Tốt	21.8
38	12A13	A13-38	Trần Thiên Thanh	8.40	HSG	Giỏi	Tốt	24.1
39	12A13	A13-39	Lương Hữu Thành	7.40	HSTT	Khá	Tốt	20.9
40	12A13	A13-40	Nguyễn Duy Thịnh	7.30	HSTT	Khá	Tốt	21.3
41	12A13	A13-41	Nguyễn Anh Thư	8.60	HSG	Giỏi	Tốt	23.8
42	12A13	A13-42	Tất An Thuận	8.20	HSG	Giỏi	Tốt	22.7
43	12A13	A13-43	Nguyễn Đức Trung	8.40	HSTT	Khá	Tốt	23.6
44	12A13	A13-44	Nguyễn Hiếu Trung	7.70	HSTT	Khá	Tốt	20.7
45	12A13	A13-45	Hà Cao Văn	8.00	HSTT	Khá	Tốt	23.4

46	12A13	A13-46	Lê Trần Hoàng Yến	8.10	HSG	Giỏi	Tốt	24
----	-------	--------	-------------------	------	-----	------	-----	----

LÓP CŨ
B14-02
B01-05
B14-09
B03-06
B09-11
B14-14
B14-15
B14-18
B12-11
B14-21
B14-20
B13-14
B04-15
B14-22
B12-18
B14-24
B07-17
B14-25
B12-20
B06-19
B10-14
B06-22
B14-29
B06-23
B08-22
B15-30
B06-24
B10-24
B06-27
B07-31
B09-30
B14-33
B12-26
B14-35
B12-27
B10-32
B10-33
B08-29
B08-30
B07-36
B11-33
B10-37
B15-44
B14-43
B14-46

